

HỌC THUYẾT VỀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN (KỲ II VÀ KẾT THÚC)

LÊ CẨM* – NGUYỄN THỊ LAN**

Bài viết này là Phần thứ ba (và là cuối cùng) là sự nối tiếp các nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến Học thuyết về hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự (PLHS) mà Phần thứ hai đã được chúng tôi giải quyết trước đây cũng trên các trang của Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 04/2022. Vì vậy, bài viết này đề cập đến sự phân tích khoa học để làm sáng tỏ về mặt lý luận 03 nhóm vấn đề chính của Học thuyết là: Những tiêu chí cơ bản về kỹ thuật lập pháp (KTLP) của việc hoàn thiện hệ thống PLHS (1); Những khái niệm (phạm trù) và thuật ngữ pháp lý cần được ghi nhận về mặt lập pháp hình sự khi hoàn thiện hệ thống PLHS (2); và Những yêu cầu của việc hoàn thiện hệ thống PLHS (3).

Từ khóa: Hoàn thiện hệ thống PLHS, tiêu chí cơ bản của việc hoàn thiện hệ thống PLHS, khái niệm (phạm trù), thuật ngữ pháp lý, những yêu cầu của việc hoàn thiện hệ thống PLHS.

Ngày nhận bài: 15/6/2022; Biên tập xong: 10/8/2022; Duyệt đăng: 04/10/2022

This article is the third (and final) part which is a continuation of the research on theoretical matters related to the theory on completing criminal legal system that the second part has been discussed on the Journal of Procuratorate Studies No. 04/2022. Therefore, this article analyzes theoretically the three main groups of problems: Basic criteria of technical legislation of perfecting criminal legal system (1); Legal concepts (categories) and terms should be recognized in criminal legislation when completing the criminal legal system (2); and Requirements of perfecting criminal legal system (3).

Keywords: Perfecting criminal legal system, basic criteria of technical legislation of perfecting criminal legal system; legal terms, requirements of perfecting criminal legal system.

1. Những tiêu chí cơ bản về kỹ thuật lập pháp của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự

1.1. Khái niệm những tiêu chí cơ bản về kỹ thuật lập pháp của việc hoàn thiện pháp luật hình sự

Trước hết, về mặt ngôn ngữ, theo quan điểm của GS.TS Nguyễn Như Ý và các đồng nghiệp của ông thì nội hàm của thuật ngữ “*Tiêu chí*” được giải thích là: “*Đặc trưng, dấu hiệu làm cơ sở, căn cứ để nhận biết,*

xếp loại các sự vật, các khái niệm”¹. Như vậy, bên cạnh vai trò là “*dấu hiệu làm cơ sở, căn cứ*” của thuật ngữ “*tiêu chí*” được nêu tại Khoản 1.1 này để phân biệt hệ thống PLHS (gồm các văn bản đã được hoàn thiện) với

* Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Giám đốc Trung tâm Luật hình sự và Tội phạm học, Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

** Tiến sĩ, Giảng viên Bộ môn Tư pháp hình sự Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển tiếng Việt. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010, tr.1580.

hệ thống PLHS (gồm các văn bản chưa được hoàn thiện), đồng thời xuất phát từ thực tiễn kinh nghiệm 32 năm (1990-2022) nghiên cứu về những vấn đề hoàn thiện PLHS, theo quan điểm của chúng tôi, có thể đưa ra định nghĩa khoa học của *khái niệm* đang bình luận ở đây như sau: *Những tiêu chí cơ bản về KTLP của việc hoàn thiện PLHS là thước đo chủ yếu của các quy phạm, chế định lớn, nhỏ trong văn bản PLHS được hoàn thiện trên một số bình diện đặc trưng (như: sự chặt chẽ về mặt cấu trúc, sự nhất quán về mặt logic pháp lý, sự chính xác về mặt khoa học, sự trong sáng - rõ ràng - đơn giản - dễ hiểu về mặt thuật ngữ pháp lý và sự khả thi về mặt thực tiễn)², mà trong sự tổng hòa của các tiêu chí cơ bản về KTLP đó với những nguyên tắc cơ bản và những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoàn thiện PLHS thì nhà làm luật mới có thể có đầy đủ các căn cứ để nhận biết được tính ưu việt (hay không) của một hệ thống PLHS nhất định, đồng thời sẽ giúp cho chúng ta (xã hội và nhân dân) có thể phân biệt được hệ thống PLHS nào đã được hoàn thiện với hệ thống PLHS nào chưa được hoàn thiện thông qua các văn bản thuộc từng hệ thống PLHS tương ứng. Như vậy, phân tích nội hàm của khái niệm khoa học cho thấy, những tiêu chí cơ bản về KTLP của việc hoàn thiện PLHS thể hiện các đặc điểm cơ bản sau:*

1.1.1. Trước hết, những tiêu chí cơ bản về KTLP là thước đo chủ yếu và đáng tin cậy rõ nhất về chất lượng trên tất cả 05 bình diện (mặt) của các quy phạm PLHS nói

chung, cũng như của các văn bản PLHS thực định cụ thể nói riêng nào đó (như BLHS, Đạo luật hình sự và Pháp lệnh trong lĩnh vực hình sự) - có chặt chẽ hay không về mặt *cấu trúc* (1), có nhất quán hay không về mặt *logic pháp lý* (2), có chính xác hay không về mặt *khoa học* (3), có trong sáng và rõ ràng - đơn giản và dễ hiểu hay không về mặt *thuật ngữ pháp lý* (4), và có khả thi hay không về mặt *thực tiễn* (5).

1.1.2. Chỉ có trong sự tổng hòa của chúng (tất cả những tiêu chí cơ bản về KTLP đó) với những nguyên tắc cơ bản và những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoàn thiện hệ thống PLHS thì nhà làm luật mới có đầy đủ căn cứ để *nhận biết được* tính ưu việt (hay không) của 01 hệ thống PLHS nhất định nào đó.

1.1.3. Và đồng thời, cũng chỉ có trong sự tổng hòa của chúng (tất cả những tiêu chí cơ bản về KTLP đó) với những nguyên tắc cơ bản và những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoàn thiện hệ thống PLHS thì chúng ta (xã hội nhân dân) mới có đầy đủ các căn cứ để *phân biệt được* hệ thống PLHS nào đã được hoàn thiện với hệ thống PLHS nào chưa được hoàn thiện thông qua các văn bản thuộc từng hệ thống PLHS tương ứng.

1.2. Nội hàm của những tiêu chí cơ bản về kỹ thuật lập pháp trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự

Như vậy, căn cứ vào các luận điểm khoa học đã được phân tích trên đây và xuất phát từ thực tiễn PLHS ở Việt Nam trong những năm qua, đặc biệt là từ sau lần pháp điển hóa thứ ba với việc thông qua Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung – SĐBS năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018) đến nay, chúng ta có đầy đủ cơ sở để khẳng định rằng, trong bất kỳ Nhà nước pháp quyền (NNPQ) đích thực nào, 01 văn bản pháp luật nói chung, kể cả văn bản PLHS nào đó nói riêng (như Pháp lệnh về hình sự, Đạo luật hình sự cụ thể hay BLHS) được coi là tốt trong NNPQ phải được coi là một văn bản PLHS luôn đáp ứng được đầy đủ 05 tiêu chí cơ bản *tối thiểu và bắt buộc chung* về

²Đó chính là 05 tiêu chí thuộc lĩnh vực KTLP (nói chung) và KTLP hình sự (nói riêng) tương ứng với 05 bình diện (mặt) cụ thể như sau: 1) Phải *chặt chẽ* về mặt về *cấu trúc*; 2) Phải *nhất quán* về mặt *logic pháp lý*; 3) Phải *chính xác* về mặt *khoa học*; 4) Phải *trong sáng và rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu* về mặt *thuật ngữ pháp lý* (4) và cuối cùng; 5) Phải *khả thi* về mặt *thực tiễn* (tức phải phù hợp với các quan hệ xã hội đang tồn tại trong giai đoạn và sẽ phát triển trong tương lai). Xem cụ thể hơn: 1) *Lê Văn Cẩm, Nguyễn Thị Lan*. Nghiên cứu các luận điểm từ lý luận về lập pháp hình sự trong nhà nước pháp quyền. Chuyên san Luật học thuộc Tạp chí Khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 33, Số 03/2017; 2) 2) *Lê Văn Cẩm* (Biên soạn). Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, các tr.81-89.

KTLP như phải: 1) *chặt chẽ về mặt cấu trúc*; 2) *nhất quán về mặt logic pháp lý*; 3) *chính xác về mặt khoa học*; 4) *trong sáng và rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu về mặt thuật ngữ pháp lý*; và 5) *khả thi về mặt thực tiễn*. Chính vì vậy, từ Khoản 1.3 đến Khoản 1.7 thuộc Tiểu mục 1. sẽ lần lượt làm sáng tỏ về mặt lý luận tất cả 05 tiêu chí cơ bản về KTLP của việc hoàn thiện hệ thống PLHS để thông qua đó, nhà làm luật và toàn xã hội có thể nhận thấy rõ vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của từng tiêu chí đó đối với việc hoàn thiện hệ thống PLHS ở mức độ nào.

1.3. Tiêu chí cơ bản thứ nhất: Sự chặt chẽ về mặt cấu trúc

Về mặt ngôn ngữ học, thuật ngữ «*chặt chẽ*» được giải thích là «*Có quan hệ khăng khít, gắn kết với nhau*»³. Mặt khác, đây là tiêu chí cơ bản liên quan đến KTLP về hình thức nhưng có thể được coi là tiêu chí chủ yếu và quan trọng nhất (so với 04 tiêu chí cơ bản còn lại). Bởi lẽ thực tiễn LPHS Việt Nam qua 30 năm (1985-2015) với 03 BLHS (1985, 1999 và 2015) đã cho thấy tiêu chí này có ý nghĩa mang tính quyết định đối với sự thành công của toàn bộ quá trình hoàn thiện hệ thống PLHS (nếu hệ thống đó gồm có 01 hoặc nhiều văn bản LPHS như: BLHS, Pháp lệnh về hình sự và/hay Đạo luật hình sự), cũng như đối với chất lượng của việc soạn thảo 01 văn bản PLHS nói riêng nào đó. Nguyên nhân là do:

1.3.1. Trước hết, căn cứ vào giải thích trên đây thì «*sự chặt chẽ về mặt cấu trúc*» của 01 văn bản PLHS cần được hoàn thiện có nghĩa là toàn bộ các bộ phận cấu thành (BPCT) bên trong văn bản đó phải «*có quan hệ khăng khít, gắn kết với nhau*». Và chính điều này sẽ giúp cho nhà làm luật có thể có được sự nhận thức đúng về sự liên kết về mặt cơ cấu bên trong văn bản PLHS tương ứng cần hoàn thiện phải chặt chẽ đến mức độ nào. Căn cứ vào thực tiễn LPHS và theo thứ tự thì việc hoàn thiện đối với 06 BPCT bên trong văn bản PLHS cụ thể

nào đó phải được triển khai theo một quy trình khoa học và chặt chẽ từ dưới lên trên, từ BPCT nhỏ nhất (1) đến BPCT lớn nhất (6). Cụ thể, quy trình này thường được bắt đầu từ (các) Điểm luật (1) đến (các) Khoản luật (2) đến (các) Điều luật (3) đến (các) Mục (4) đến (các) Chương (5) đến (các) Phần nếu có (6) trong 01 văn bản PLHS cụ thể. Đồng thời, quy trình này được triển khai không những chỉ đối với 01 văn bản cụ thể nào đó mà là đối với nhiều văn bản thuộc hệ thống PLHS tương ứng cần phải hoàn thiện.

1.3.2. Tiêu chí cơ bản về KTLP này cũng giúp cho nhà làm luật có được nhận thức khoa học đúng về mức độ gắn kết ra sao (chồng chéo, mâu thuẫn hay khăng khít) ngay tại cấu trúc (cơ cấu) của từng từ → từng mệnh đề → từng đoạn → từng câu và giữa chúng với nhau từ trong mỗi BPCT, cũng như trong tất cả 06 BPCT nêu trên cho đến trong 01 hoặc nhiều văn bản tương ứng thuộc hệ thống PLHS cần hoàn thiện.

1.3.3. Nói cách khác, tiêu chí cơ bản thứ nhất về KTLP - sự chặt chẽ về mặt cấu trúc của việc hoàn thiện hệ thống PLHS cần phải được bắt đầu triển khai một cách đồng bộ, toàn diện và trên tất cả các phạm vi ngay từ trong từng (nhóm) thuật ngữ pháp lý hình sự → từng mệnh đề → từng câu → từng đoạn → từng Khoản luật → từng Điều luật → từng Mục → từng Chương → từng Phần (nếu có), cũng như giữa chúng (các điều luật, các khoản luật, các mục, các chương và các phần - nếu có) với nhau tại 01 hoặc nhiều văn bản PLHS tương ứng thuộc hệ thống PLHS cần hoàn thiện⁴.

⁴ Về mặt này, cần phải khẳng định rằng:

1) Tại Phần chung cả 02 BLHS (1999 và 2015) của nước ta vẫn còn tồn tại rất nhiều khiếm khuyết & là nhược điểm lớn cần phải khắc phục. Chẳng hạn, trong mệnh đề tại đoạn 2 Điều 1 “*Nhiệm vụ của Bộ luật hình sự*” tại Phần chung cả 02 BLHS (1999 và 2015) là còn thiếu rất nhiều các chế định pháp lý hình sự khác chưa được ghi nhận vì nhà làm luật chỉ ghi nhận vắn vắn có 02 chế định “*tội phạm và hình phạt*”; trong khi nội hàm của cả 02 BLHS đó đều bỏ lọt một số chế định pháp lý hình sự khác quan trọng nhưng rất tiếc là vẫn còn thiếu mà chưa hề được thể hiện trong mệnh đề này như: 1) Chế định “*các biện pháp tư pháp*” (vì

³ Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển tiếng Việt... Sđd, 2010, tr.240.

1.4. Tiêu chí cơ bản thứ hai: Sự nhất quán về mặt logic pháp lý

Thực tiễn LPHS Việt Nam với 03 BLHS (1985, 1999 và 2015) đã cho thấy, đây là tiêu chí liên quan đến KTLP về cả 02 mặt (về nội dung và hình thức) của (các) Điều luật, (các) Mục, (các) Chương trong 01 hay (các) văn bản PLHS cụ thể. Mục đích là bảo đảm sao cho đạt được sự *thống nhất* (nhất quán) logic pháp lý giữa 02 mặt của 01 vấn đề - *hình thức* được nêu ở *tiêu đề* (tên gọi) của (các) Điều luật, (các) Mục, (các) Chương trong 01 hay (các) văn bản PLHS nào đó

BPTP không phải và không thể là hình phạt; 2) Chế định “các trường hợp loại trừ TNHS” (vì các trường hợp này là độc lập và hoàn khác xa mà không thể đồng nhất với tội phạm); 3) Chế định lớn về TNHS; 4) Chế định lớn về các biện pháp tha miễn (BPTM) (vì các chế định này không thể đồng nhất với hình phạt với các chế định nhỏ thuộc chế định lớn về các BPTM như: miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt, miễn TNHS, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích, v.v...); 5) cả 02 chế định lớn là “TNHS của người chưa thành niên phạm tội” và “TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội” (chỉ có trong BLHS sau).

2) Còn một mức độ nhất định BLHS năm 2015 đã khắc phục được nhược điểm cơ bản của BLHS năm 1999 trước đây là *hình thức* bên ngoài (tiêu đề/tên gọi) của Điều hay Chương nào đó đã không phản ánh đúng *nội hàm* bên trong (quy phạm hoặc chế định mà Điều luật hay Chương tương ứng nào đó đã ghi nhận). Ví dụ, trong BLHS Việt Nam năm 2015 là nhà làm luật đã: 1) Tách chế định *phân loại tội phạm* (PLTP) mà trước đây BLHS năm 1999 đã ghi nhận chung tại cùng 01 Điều 8 với *khái niệm tội phạm* để quy định thành Điều 9 riêng biệt phù hợp với đúng tên gọi mà bên trong nó quy định; vì rõ ràng PLTP là 01 chế định nhỏ độc lập thuộc chế định lớn về tội phạm của PLHS chứ không thể như trong BLHS năm 1999 đã “nhốt” chung các quy phạm về phân loại tội phạm (PLTP) vào cùng 01 Điều 8 mà *hình thức* (bên ngoài) có tiêu đề/tên gọi là “*Khái niệm tội phạm*” và sự bất hợp lý của Điều 8 BLHS năm 1999 là ở chỗ: Nó không phản ánh đúng nội hàm bên trong của nó là bao gồm cả các quy phạm về PLTP; 2) Tách những trường hợp loại trừ *tính tội phạm của hành vi* (vì việc sử dụng thuật ngữ “TNHS” trong tiêu đề của Chương này là thiếu chính xác) với tư cách là 01 chế định độc lập (khác xa với chế định tội phạm) ra thành 01 Chương IV riêng biệt (mà trước đây BLHS năm 1999 đã ghi nhận chung những trường hợp này tại cùng 01 Chương III với các quy định khác thuộc chế định lớn về tội phạm (như lỗi, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm).

phải luôn phù hợp với chính nội dung được ghi nhận (quy định) bên trong của (các) Điều luật, Mục, Chương hay văn bản PLHS tương ứng.

1.5. Tiêu chí cơ bản thứ ba: Sự chính xác về mặt khoa học

Đây là tiêu chí liên quan đến KTLP về mặt *nội dung* ở tầm vi mô của BLHS nhằm bảo đảm những *phạm trù* (gồm các *khái niệm* và các *thuật ngữ*) pháp lý được ghi nhận trong Phần chung, cũng như từng (và các) cấu thành tội phạm tương ứng với từng (và các) Điều luật được quy định trong Phần riêng phải luôn đúng và chính xác với thực tiễn áp dụng PLHS, cũng như phù hợp các luận điểm mang tính học thuật xác đáng, có căn cứ và bảo đảm sức thuyết phục đã được thừa nhận chung trong khoa học Luật hình sự bởi đại đa số các nhà khoa học-luật gia hình sự học của quốc gia, cũng như của quốc tế.

1.6. Tiêu chí cơ bản thứ tư: Sự rành mạch và rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu về mặt thuật ngữ pháp lý

Thực tiễn LPHS ở Việt Nam qua 30 năm với 03 BLHS (1985, 1999 trước đây và 2015 hiện hành), cũng như ở Liên bang Nga qua hơn 35 năm với 02 BLHS Nga (1960 trước đây và 1996 hiện hành) đã cho thấy, chức năng (1), tác dụng (2) và giá trị (3) của tiêu chí cơ bản thứ tư về KTLP này là để xây dựng được các *phạm trù* (gồm các *khái niệm* và *thuật ngữ*) pháp lý trong Phần chung, cũng như các cấu thành tội phạm trong Phần riêng BLHS. Để có thể đáp ứng được tiêu chí thứ tư về KTLP này, một nhà làm luật giỏi trong lĩnh vực LPHS bao giờ cũng hội tụ ít nhất 03 tiêu chí cần thiết của một luật gia - nhà hình sự học chân chính như: 1) Có trình độ giỏi và kinh nghiệm nghề nghiệp lâu năm (trong đó ít nhất là 05 trở lên đã làm việc trong lĩnh vực thực tiễn của cơ quan điều tra, truy tố hoặc xét xử hình sự); 2) Có kiến thức tổng hợp sâu và rộng cả về luật học, xã hội học và ngôn ngữ học để có thể sử dụng thành thạo các thuật ngữ pháp lý mới có thể soạn thảo ra được từng mệnh đề, câu và từ có tính khoa học cao tại các điều khoản của BLHS và; 3) Có

văn hóa đọc, ham học hỏi, khiêm tốn, cầu thị, không bảo thủ, biết lắng nghe và chấp nhận sự đa dạng của các ý kiến trong tranh luận khoa học và không khó chịu hoặc đàn áp các quan điểm khoa học trái chiều, nhưng cũng biết tranh luận đến cùng để đạt được chân lý khách quan.

1.7. Tiêu chí cơ bản thứ năm (và là cuối cùng): Sự khả thi về mặt thực tiễn

Tiêu chí này thể hiện ở việc sau khi đã được hoàn thiện thì nó phải đáp ứng đúng như thuật ngữ “*khả thi*”; nói cách khác, các quy phạm PLHS đã được hoàn thiện phải có khả năng thi hành được *trong thực tiễn*. Điều này có nghĩa một hệ thống PLHS được hoàn thiện *khả thi về mặt thực tiễn* phải:

1.7.1. Loại trừ được tất cả các nhược điểm đã tồn tại trong giai đoạn trước đó trên tất cả 04 bình diện đã nêu ở trên mà nó (hệ thống PLHS cần hoàn thiện) chưa đáp ứng được như chưa: 1) *chặt chẽ về mặt cấu trúc*, 2) *nhất quán về mặt logic pháp lý*; 3) *chính xác về mặt khoa học*, và 4) *trong sáng và rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu về mặt thuật ngữ pháp lý*.

1.7.2. Luôn đáp ứng được các đòi hỏi (yêu cầu) cấp bách của thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, cũng như *thực tiễn áp dụng PLHS* của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án.

1.7.3. Đáp ứng các yêu cầu cần phải điều chỉnh của PLHS đối với các quan hệ xã hội đang tồn tại trong giai đoạn tương ứng và nếu dự báo tình hình tốt thì thậm chí đối với cả các quan hệ xã hội sẽ phát triển trong tương lai nữa.

2. Những phạm trù (khái niệm) và thuật ngữ pháp lý cần được ghi nhận về mặt lập pháp khi hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự

2.1. Sự cần thiết của việc ghi nhận về mặt lập pháp những phạm trù (tức những khái niệm và thuật ngữ) pháp lý khi hoàn thiện pháp luật hình sự thực định Việt Nam

Việc nghiên cứu *thực tiễn LPHS* nước nhà kể từ sau khi thông qua BLHS năm

1985 cho đến khi thông qua BLHS năm 2015 và có hiệu lực thi hành (năm 2018) đã cho thấy, mặc dù đã qua 03 lần pháp điển hóa với 03 BLHS (các năm 1985, 1999 và 2015) nếu so sánh với hệ thống pháp luật TTHS Việt Nam với 03 Bộ luật Tổ tụng hình sự (1988, 2003 và 2015) thì đều có Điều luật về giải thích các thuật ngữ, nhưng rất tiếc hệ thống PLHS *thực định* Việt Nam vẫn *chưa chính thức ghi nhận về mặt pháp lý hàng chục khái niệm và thuật ngữ cơ bản và quan trọng*. Trong khi những *khái niệm và thuật ngữ cơ bản* này của PLHS rõ ràng sẽ chỉ đưa đến lợi ích to lớn và quan trọng trên nhiều bình diện như không chỉ *có liên quan mật thiết* mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho *thực tiễn áp dụng PLHS* của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án mà còn đóng vai trò rất *quan trọng* trong việc bảo vệ các quyền của con người và của công dân bằng PLHS.

2.2. Định nghĩa khoa học của Danh mục những khái niệm và thuật ngữ pháp lý

Định nghĩa khoa học của Danh mục những khái niệm và thuật ngữ pháp lý cần được ghi nhận về mặt lập pháp khi hoàn thiện PLHS. Sẽ là hợp lý và bảo đảm tính logic của vấn đề nếu như trước khi đưa ra *Danh mục* đang bình luận, chúng ta cần đưa ra định nghĩa khoa học của chúng mà theo đó: *Danh mục những khái niệm và thuật ngữ pháp lý cần được ghi nhận về mặt lập pháp khi hoàn thiện hệ thống PLHS là hệ thống tất cả các phạm trù pháp lý mang tính giải thích của nhà làm luật mà qua đó khẳng định một cách ngắn gọn nhất bản chất và ý nghĩa của những khái niệm và thuật ngữ pháp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động LPHS trong việc ghi nhận và cho thực tiễn áp dụng PLHS đối với các quy phạm PLHS tương ứng có liên quan*. Như vậy, từ đây và từ việc so sánh *thực tiễn LPHS* với thực tiễn lập pháp TTHS Việt Nam trong hơn 30 năm qua (1985-2022) cho thấy, trong giai đoạn hiện nay *Danh mục những khái niệm và thuật ngữ pháp lý* (cần được ghi nhận về mặt lập pháp khi hoàn thiện hệ thống PLHS) rất cần được nghiên cứu để ghi nhận về mặt

lập pháp trong BLHS tương lai (sau pháp điển hóa lần thứ tư).

2.3. Danh mục những khái niệm và thuật ngữ pháp lý cụ thể cần được ghi nhận về mặt lập pháp khi hoàn thiện pháp luật hình sự

Theo quan điểm của chúng tôi, Danh mục đó chính là hơn **80** khái niệm và thuật ngữ cụ thể phổ biến và quan trọng hơn cả tương ứng với **06** chế định lớn thuộc Phần chung PLHS thực định Việt Nam hiện hành trong BLHS năm 2015 vẫn còn thiếu và, được chúng tôi tổng hợp lại và liệt kê dưới đây (được tính theo thứ tự lần lượt từ Chế định lớn đầu tiên là về *Đạo luật hình sự* đến Chế định lớn cuối cùng là về *Các biện pháp tha miễn (BPTM) hình sự*):

2.3.1. Chế định lớn về *Đạo luật hình sự* ngoài việc thiếu 02 điều luật về “*Giải thích các thuật ngữ*”, “*Nguồn của PLHS*” và toàn bộ các quy phạm tương ứng với các điều luật của chế định nhỏ về các nguyên tắc của PLHS ra thì cũng còn thiếu ít nhất **12** khái niệm (thuật ngữ) nữa để làm rõ như thế nào là: 1/2/3) Hệ thống PLHS/Phần chung/Phần riêng; 4/5/6) Bị xử lý hình sự/ Bị kết án/Bị kết tội; 7/8/9) Chủ thể/Người/ Pháp nhân bị kết án; và 10/11/12) Chủ thể/ Người/và Pháp nhân bị kết tội.

2.3.2. Chế định lớn về *Tội phạm* còn thiếu ít nhất là gần **20** khái niệm nữa để làm rõ như thế nào là: 13) Phạm tội (tức động từ thực hiện hành vi tội phạm); 14/15/16) Chủ thể/Người (tức cá nhân-thể nhân)/Pháp nhân phạm tội; 17) Tội phạm hoàn thành/ chưa hoàn thành; 18/19) Hai hình thức đồng phạm riêng biệt (trong số **03** hình thức đồng phạm đã được thừa nhận chung trong khoa học Luật hình sự) như: đồng phạm đơn giản/và đồng phạm phức tạp là gì (vì trong BLHS năm 2015 mới chỉ có khái niệm hình thức đồng đặc biệt là “*phạm tội có tổ chức*”); 20) Tính tội phạm của hành vi; 21) Hành vi tội phạm; 22) Hành vi phạm tội; 23) Lỗi hình sự; 24) Lỗi trong việc phạm tội; 25/26) Chủ thể/Người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm; 27) Đa (nhiều) tội phạm; 28) Phạm tội nhiều lần (mà trong BLHS năm

2015 đã đổi lại là “*phạm tội 02 lần trở lên*” nhưng vẫn chưa hề có *định nghĩa pháp lý* của khái niệm này là như thế nào); 29) Phạm nhiều tội; 30) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; và 31) Phạm tội do hỗn hợp lỗi (tức phạm tội với 02 hình thức lỗi).

2.3.3. Chế định lớn về *Những trường hợp loại trừ tính tội phạm của hành vi* còn thiếu ít nhất **04** khái niệm để làm rõ như thế nào là: 32) Trường hợp loại trừ tính tội phạm của hành vi; 33) Tình trạng không có năng lực TNHS; 34) Rủi ro (mạo hiểm) trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; và 35) Tình trạng bất khả kháng.

2.3.4. Chế định lớn về *Trách nhiệm hình sự* còn thiếu ít nhất **19** khái niệm để làm rõ như thế nào là: 36) TNHS; 37/38) Thời điểm bắt đầu/Thời điểm chấm dứt của TNHS; 39) Tuổi chịu TNHS; 40) Người đủ tuổi chịu TNHS; 41/42/43) Độ tuổi chịu TNHS nói chung)/Độ tuổi chịu TNHS đầy đủ/Độ tuổi chịu TNHS hạn chế; 44) Hình thức thực hiện TNHS; 45) Người đủ tuổi chịu TNHS; 46) Năng lực TNHS; 47/48) Năng lực TNHS đầy đủ/Năng lực TNHS hạn chế; 49) Hình thức thực hiện TNHS; 50) Tình trạng không có năng lực TNHS; 51/52/53) Chủ thể/Người/Pháp nhân bị kết án; và 54/55/56) Chủ thể/Người/Pháp nhân (phải) chịu TNHS.

2.3.5. Chế định lớn về *Các biện pháp cưỡng chế hình sự* (tức gồm 02 chế định nhỏ là *Hình phạt* và *Các biện pháp tư pháp hình sự*) còn thiếu ít nhất **08** khái niệm để làm rõ như thế nào là: 57) Hệ thống các hình phạt (nói chung); 58) Hệ thống các hình phạt đối với cá nhân (nói riêng); 59) Hệ thống các hình phạt đối với pháp nhân (nói riêng); 60) BPTP hình sự (nói chung); 61) BPTP hình sự đối với người lớn (tức trên 18 tuổi); 62) BPTP hình sự đối với người chưa thành niên (tức dưới 18 tuổi) phạm tội; 63) Hệ thống các BPTP hình sự; và 64) Các mục đích của BPTP hình sự.

2.3.6. Và cuối cùng, chế định lớn về *Các biện pháp tha miễn (BPTM) hình sự* còn thiếu ít nhất **18** khái niệm để làm rõ như thế

nào là: 65) Biện pháp *tha miễn* hình sự; 66) *Miễn* hình phạt; 67) *Miễn* TNHS; 68) *Miễn* chấp hành hình phạt (CHHP); 69) *Hoãn* CHHP tù; 70) *Tạm đình chỉ* việc CHHP; 71) Giảm việc CHHP; 72) Giảm mức hình phạt đã được tuyên; 73) Án treo; 74) Tha tù trước thời hạn có điều kiện; 75) Án tích; 76/77) Thời điểm bắt đầu/Thời điểm chấm dứt của án tích; 78/79) Xóa án tích/Hậu quả pháp lý của xóa án tích; 80/81) Hết án tích/Hậu quả pháp lý của hết án tích; 82) Không có án tích; 83) Đặc xá và cuối cùng; 84) Đại xá.

2.4. Phương thức ghi nhận trong BLHS tương lai (sau pháp điển hóa lần thứ tư) những *khái niệm* và *thuật ngữ* cơ bản tương ứng với **05** chế định lớn thuộc Phần chung PLHS mà trong BLHS Việt Nam năm 2015 vẫn còn thiếu đã được liệt kê trên đây), theo chúng tôi, nhà làm luật có triển khai theo một trong **02** cách là: 1) Lựa chọn những *khái niệm* và *thuật ngữ* pháp lý cơ bản nào có tính chất *phổ biến và chung hơn cả* (có thể vào khoảng hơn **30** *khái niệm/thuật ngữ*) để ghi nhận ngay tại Điều luật đầu tiên của BLHS “*Giải thích các thuật ngữ*”, còn lại các *khái niệm* và *thuật ngữ* cơ bản có gắn kết mật thiết với từng chế định, lớn nhỏ nào đó thì ghi nhận tại các điều luật có liên quan tương ứng; và 2) Ghi nhận tất cả **84** *khái niệm* và *thuật ngữ* pháp lý cơ bản nêu trên ngay tại vị trí Điều luật đầu tiên của BLHS có tiêu đề (tên gọi) là “*Giải thích các thuật ngữ*”.

3. Những yêu cầu của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự

3.1. Khái niệm và nội hàm của những yêu cầu trong việc hoàn thiện hệ thống PLHS

Trước hết, về mặt thuật ngữ, phạm trù “*những yêu cầu*” được giải thích là “*Những đòi hỏi cần phải đạt được*”⁵. Như vậy, từ sự giải thích này có thể đồng nhất 02 phạm trù “*yêu cầu*” và “*đòi hỏi*”, đồng thời kết hợp với **04** BPCT chủ yếu (đã được phân tích

tương ứng của *Học thuyết* về hoàn thiện hệ thống PLHS trên đây, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa khoa học của *khái niệm* đang được bình luận như sau: *Những yêu cầu của việc hoàn thiện hệ thống PLHS chính là tổng thể những đòi hỏi với tư cách là bộ công cụ khoa học bao gồm 04 BPCT chủ yếu (đã được phân tích trên đây) mà trong sự kết hợp và triển khai đồng bộ tất cả chúng (tức những yêu cầu) thì hệ thống PLHS sẽ thực sự được hoàn thiện theo đúng nghĩa của nó và đem lại tác dụng tích cực, cũng như giá trị của nó*. Nói cách khác, hệ thống PLHS của quốc gia muốn được hoàn thiện phải tuân thủ những yêu cầu nhất định nào đó. Thực tế, việc phân tích khoa học nội hàm của khái niệm này, cũng như của **04** nhóm những vấn đề học thuật cơ bản với tư cách là **04** BPCT chủ yếu (đã được phân tích tương ứng ở trên) của *Học thuyết* về hoàn thiện PLHS đã cho thấy, nội hàm của những yêu cầu của việc hoàn thiện hệ thống PLHS có **03** đặc điểm chính sau:

3.1.1. Trước hết, những yêu cầu cần được tuân thủ khi hoàn thiện PLHS là bộ công cụ khoa học gồm **04** BPCT chủ yếu của *Học thuyết* về hoàn thiện hệ thống PLHS.

3.1.2. Những yêu cầu cần được tuân thủ khi hoàn thiện PLHS suy cho cùng là cần phải dựa trên sự tuân thủ một cách đồng bộ, đầy đủ và thống nhất bộ tứ công cụ khoa học gồm **04** N (Những) của *Học thuyết* đó như: 1) Những nguyên tắc cơ bản; 2) Những cơ sở khoa học - thực tiễn; 3) Những tiêu chí cơ bản về KTLP (3) và; 4) Những khái niệm và thuật ngữ pháp lý cần được ghi nhận về mặt lập pháp.

3.1.3. Chỉ có trong sự kết hợp và triển khai đồng bộ tổng thể những yêu cầu với tư cách là bộ công cụ khoa học gồm tất cả **04** BPCT chủ yếu (đã nêu trên) thì PLHS mới có thể được xem là thực sự “*hoàn thiện*” đúng với nghĩa của **02** từ này - đạt “*đến mức trọn vẹn, hoàn hảo*”⁶ và đem lại tác dụng tích cực, đồng thời khẳng định được vai trò và giá trị của nó.

⁵ Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển tiếng Việt... Sđd, 2010, tr.1084.

⁶ Nguyễn Như Ý (Chủ biên) và một số tác giả khác. Đại từ điển tiếng Việt... Sđd, 2010, tr.720.

3.2. Các lợi ích và kết quả tích cực của sự tuân thủ đúng tất cả những yêu cầu trong việc hoàn thiện pháp luật hình sự thực định mà cụ thể là trong việc soạn thảo BLHS năm nào đó trong tương lai sau pháp điển hóa lần thứ tư. Như vậy, từ thực tiễn LPHS Việt Nam trong 76 năm qua (1945-2021) nói chung và thực tiễn 30 năm (1985-2015) hoàn thiện hệ thống PLHS thực định qua 03 BLHS nước nhà (1085, 1999 và 2015) nói riêng, cũng như từ hệ lụy của việc không tuân thủ đúng tất cả những yêu cầu bắt buộc trong quá trình hoàn thiện hệ thống PLHS đã được xem xét trên đây, đồng thời trên cơ sở kinh nghiệm hơn 31 năm (1990-2021) triển khai các nghiên cứu về hoàn thiện PLHS thực định nước nhà (trong đó có hơn 20 năm giảng dạy môn Luật hình sự ở các bậc Sau đại học và Đại học), đã cho chúng tôi có đầy đủ các cơ sở để có thể khẳng định một cách xác đáng, có căn cứ và bảo đảm sức thuyết phục rằng, nếu như trong quá trình hoàn thiện hệ thống PLHS nói chung và soạn thảo các BLHS nói riêng có sự tuân thủ đúng tất cả những yêu cầu bắt buộc như đã được phân tích tại Khoản 3.1 Tiểu mục 3. này thì sẽ đem lại các lợi ích và kết quả tích cực nhất định trong nhiều lĩnh vực hoạt động thực tiễn của bộ máy quyền lực Nhà nước, cũng như nhiều lĩnh vực sinh hoạt của đời sống xã hội. Đặc biệt, điều này sẽ được thể hiện rõ đối với một số lĩnh vực quan trọng và cơ bản có liên quan được xem xét ở đây - Thực tiễn LPHS và áp dụng PLHS (sau đây tạm gọi là vấn đề tất là Lĩnh vực I), Dự luận xã hội và nhân dân (Lĩnh vực II), Nhận thức khoa học đúng đắn về Luật hình sự (Lĩnh vực III) ở Việt Nam. Vì nếu như khi hoàn thiện hệ thống PLHS (nói chung) và soạn thảo BLHS nào đó sau pháp điển hóa lần thứ tư (nói riêng) mà có sự tuân thủ đúng những yêu cầu bắt buộc như đã được phân tích ở trên thì sẽ đem đến các lợi ích và kết quả tích cực nhất định tương ứng đối với 03 lĩnh vực (I, II và III) đã nêu như sau:

3.2.1. Đối với Lĩnh vực I. Vì như đã phân tích ở trên, những yêu cầu bắt buộc

trong việc hoàn thiện hệ thống PLHS là tổng thể những đòi hỏi mang tính nguyên tắc với bộ công cụ khoa học gồm 04 BPCT chủ yếu của Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS. Chính vì vậy, khi hoàn thiện hệ thống PLHS (nói chung) và soạn thảo BLHS năm nào đó trong tương lai sau pháp điển hóa lần thứ tư (nói riêng) mà có sự tuân thủ đúng tất cả những yêu cầu bắt buộc như đã được phân tích ở trên (cũng thuộc Tiểu mục 3. này) thì một số lợi ích và kết quả tích cực quan trọng và cơ bản mà nó sẽ đem lại là: 1) Sẽ làm cho hệ thống PLHS thực định của nước nhà thực sự “hoàn thiện” đúng với nghĩa của 02 từ này, cũng như chất lượng của việc soạn thảo các BLHS của đất nước sẽ ngày một tốt hơn và sẽ không còn những sai sót nhiều về KTLP như trong BLHS năm 2015 (khi chưa được SDBS lần thứ nhất) trước đây nữa; và 2) Sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác trong thực tiễn áp dụng PLHS của Tòa án và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3.2.2. Đối với Lĩnh vực II. Các lợi ích và kết quả tích cực, quan trọng và cơ bản mà hoạt động này sẽ đem lại là: 1) Trước con mắt của dư luận xã hội và nhân dân thì BLHS sẽ được nhìn nhận thực sự là công cụ sắc bén và hữu hiệu để bảo vệ những giá trị xã hội của con người và của công dân với tư cách là các khách thể cao quý nhất mà Liên Hợp Quốc thừa nhận (như các quyền và tự do hiến định, các giá trị nhân thân của họ như tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm), cũng như những lợi ích hợp pháp của Nhà nước và của xã hội, chống lại điều ác (tội phạm); 2) Sẽ củng cố được một cách vững chắc và sẽ tăng cường hơn nữa lòng tin của quần chúng nhân dân vào sức mạnh, chức năng tác dụng của pháp luật nói chung và PLHS nói riêng, vào sự điều hành có hiệu quả của bộ máy quản lý Nhà nước trong việc sử dụng công chức, cũng như kết quả của sự giáo dục và nâng cao ý thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng đối với Nhà nước.

3.2.3. Và cuối cùng, đối với Lĩnh vực III. Các lợi ích và kết quả tích cực, quan trọng và cơ bản mà hoạt động này đem lại là: Sẽ góp phần hình thành, xây dựng và nâng cao được nhận thức khoa học *những nền tảng lý luận, tư duy pháp lý đúng đắn, về chức năng, tác dụng và giá trị của ngành Luật hình sự* (nói chung) và của *Học thuyết* về hoàn thiện hệ thống PLHS (nói riêng) đặc biệt là đối với các *nhà luật học*. Bởi lẽ, nhận thức khoa học đúng đắn về những vấn đề này sẽ có vai trò và ý nghĩa rất quan trọng đối với các cán bộ nghiên cứu khoa học của các Viện nghiên cứu về Luật học, các cán bộ giảng dạy và các nghiên cứu sinh, học viên Cao học và sinh viên của các cơ sở đào tạo Đại học, Sau đại học trong các hoạt động *giảng dạy và nghiên cứu khoa học* Luật hình sự cũng như đối với đội ngũ các công chức đang công tác trong bộ máy quản lý Nhà nước của các cơ quan công quyền của cả 03 nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhất là của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong các hoạt động *thực tiễn* của họ.

3.3. Hệ lụy tất yếu của sự không tuân thủ đúng tất cả những yêu cầu bắt buộc trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự

Thực tiễn LPHS Việt Nam đã cho thấy khi không tuân thủ đúng *tất cả những yêu cầu bắt buộc* trong việc hoàn thiện PLHS thì thường sẽ dẫn đến hệ lụy tất yếu là các quy phạm trong văn bản LPHS được đã được ban hành sẽ phải gánh chịu nhiều *nhược điểm về KTLP*, từ đó gây nên các hậu quả bất lợi như:

3.3.1. Về mặt *vật chất*, thời gian thì sẽ tốn kém kinh phí để chi tiêu cho các hoạt động SĐBS và buộc phải in lại lần thứ hai.

3.3.2. Về mặt *tinh thần* thì các cơ quan có trách nhiệm (kể cả trực tiếp và gián tiếp) trong việc *soạn thảo văn bản PLHS tương ứng* bị nhân dân, các đồng nghiệp, cũng như báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng cũng như Đảng và Nhà nước chê trách vì nhiều lý do.

3.3.3. Minh chứng cụ thể về những điều trên có thể nhận thấy rõ trong việc BLHS năm 2015 vì dưới góc độ KTLP đã không có được sự tuân thủ một số *yêu cầu* (đòi hỏi) trong việc đã được nêu trên. Vì theo các quy định tại Luật số 12/2017/QH-14 thì BLHS năm 2015 (được in năm 2016) khi so sánh với BLHS năm 2015 (được in sau khi đã sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) đã tồn tại nhiều *nhược điểm về KTLP* với một loạt các *từ* (cụm từ), *thuật ngữ* và *phạm trù* còn bị *sai, thiếu* hoặc *thừa*, thậm chí có trường hợp sai sót rất nghiêm trọng mà nếu không kịp sửa đổi, bổ sung thì sẽ gây nên thiệt hại lớn cho người dưới 18 tuổi phạm tội (nhất là Khoản 2 Điều 107). Và dưới đây mới chỉ là một số ví dụ cụ thể của 07 *nhược điểm về kỹ thuật lập pháp* được chỉ ra tại 07 khoản (1, 2, 3, 4, 10, 14 và 19) của Luật số 12/2017/QH-14 (đã nêu trên) tương ứng với 07 điều (3, 9, 12, 14, 71, 91 và 107) từ tổng số 19 *nhược điểm về kỹ thuật lập pháp* tương ứng với 19 điều (vì ngoài 07 điều đã nêu, còn 12 điều nữa là 19, 51, 54, 61, 66, 76, 84, 86, 93, 94, 95 và 100) thuộc *Phần chung* BLHS năm 2015 (được in năm 2016).

1) Tại điểm d khoản 1 Điều 3 thiếu *thuật ngữ* gồm 03 từ “*có trách nhiệm*” trong phạm trù “*tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm* trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”. Tại điểm d khoản 2 Điều 3 lẽ ra là cũng *thuật ngữ* gồm 03 từ “*có trách nhiệm*” (như tại khoản 1 nêu trên) thì lại in 04 từ là “*tiền hành tố tụng*”.

2) Tại khoản 2 Điều 12 lẽ ra cần thống nhất triển khai duy nhất *theo cùng 01 cách xây dựng Điều luật* theo hướng chỉ cần liệt kê *số thứ tự* của 28 điều luật phải chịu TNHS; như vậy vừa ngắn gọn (vì chỉ trong phạm vi có 06 dòng), vừa rõ ràng nhưng đối với 08 tội danh thì không nêu *số thứ tự* mà lại chỉ nêu *tiêu đề* (tên gọi) của tội danh, còn đối với 20 tội danh khác thì vừa nêu *số thứ tự* và lại vừa nêu cả *tiêu đề* của tội danh, đồng thời lại vừa phân chia khoản 2 này nhỏ hơn nữa (thành 06 điểm e) từ a đến e).

3) Tại Điều 9 đã thiếu sự phân loại tội phạm mà pháp nhân thương mại *phải chịu TNHS* do đã có sự liên đới trong việc *thực hiện hành vi phạm tội của cá nhân* (có đầy đủ các dấu hiệu được quy định tại khoản 1 Điều 75).

4) Tại khoản 2 Điều 14 lẽ ra cũng cần thống nhất triển khai duy nhất 01 cách xây dựng Điều luật theo hướng đã nêu trên đây là chỉ cần liệt kê *số thứ tự* của **25** điều luật phải chịu TNHS; như vậy vừa ngắn gọn (vì chỉ trong phạm vi có **05** dòng), vừa rõ ràng nhưng thực tế là vừa nêu *số thứ tự* và lại vừa nêu cả *tiêu đề* của tội danh, đồng thời lại vừa phân chia Khoản 2 này nhỏ hơn nữa (thành **04** điểm từ a đến d).

5) Tại khoản 2 Điều 71 - lẽ ra cần phải dựa trên các nguyên tắc nhân đạo và cá thể hóa TNHS của PLHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ để đề xuất ghi nhận *thêm 01 mức nữa nhẹ hơn* khi người bị kết án không thuộc các trường hợp nên tại 03 điểm a, b và c cũ (khi BLHS năm 2015 chưa bị phát hiện là sai sót) mà lại *thuộc 01 trong 03 trường hợp* (nhẹ hơn bị phạt tù đến 05 năm) như bị: a) phạt *cảnh cáo*, b) phạt *cải tạo không giam giữ*, hoặc c) phạt tù nhưng được *hưởng án treo* thì chỉ sau 01 năm là được xóa án tích theo quyết định của Tòa án rồi. Tuy nhiên, nhà làm luật lại gộp chung 02 trường hợp đầu đã nêu mà không đề cập gì đến trường hợp thứ ba vào 01 mức là *đều cùng sau 03 năm* mới được Tòa án quyết định xóa án tích. Và chính là nhờ có việc SDBS lần thứ nhất thì 03 trường hợp đã nêu trên mới được nhà làm luật ghi nhận bổ sung thêm tại điểm “a” khoản 2 Điều 71 BLHS năm 2015...

6) Tại khoản 2 Điều 91 lẽ ra cần thống nhất triển khai cách xây dựng Điều luật theo hướng chỉ cần liệt kê *số thứ tự* của **8** tội danh (tại điểm a) và của **14** tội danh (tại điểm b) được loại trừ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là được vì vừa ngắn gọn (chỉ trong phạm vi có **09** dòng), vừa rõ ràng. Tuy nhiên, nhà làm luật lại vừa nêu *số thứ tự*, vừa nêu *tiêu đề* của **24** tội danh tại 02 khoản “a” và “b” đã nêu...

7) Và tại khoản 2 Điều 107 cũng như tại khoản 2 Điều 71 (đã nêu trên) lẽ ra cần dựa trên các nguyên tắc nhân đạo và cá thể hóa TNHS của PLHS Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NN PQ để đề xuất *ghi nhận nhiều hơn nữa* các mức thời hạn *đương nhiên được xóa án tích* cho người *dưới 18 tuổi* đã đáp ứng đủ những điều kiện do luật định (như đã chấp hành xong hình phạt chính, hết thời gian thử thách của án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án) mà không thuộc duy nhất 01 trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 107 (khi BLHS năm 2015 chưa bị phát hiện là sai sót) mà lại *thuộc 01 trong 03 trường hợp* tương ứng nhẹ hơn bị phạt tù dưới 15 năm (thậm chí chỉ bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo) vì mức sau 03 năm mới được đương nhiên xóa án tích chỉ dành cho những trường hợp nặng hơn (bị phạt tù trên 15 năm). Tuy nhiên, nhà làm luật lại gộp chung tất cả mọi trường hợp vào chung 01 mức là *đều cùng sau 03 năm* mới được đương nhiên xóa án tích. Và cũng rất may mắn là vì có việc SDBS lần thứ nhất thì các trường hợp nhẹ hơn bị phạt tù đến 15 năm mới được nhà làm luật ghi nhận bổ sung thêm tương ứng tại 03 điểm mới a, b và c của khoản 2 Điều 107 BLHS năm 2015 (sau khi đã được SDBS).

Tóm lại, việc nghiên cứu những vấn đề chủ yếu trên đây của *Học thuyết về hoàn thiện hệ thống PLHS* trong bài viết này đã cho chúng ta đầy đủ các căn cứ để có thể khẳng định một cách đúng đắn và bảo đảm sức thuyết phục rằng: Xây dựng một *chiến lược phát triển PLHS* (nói riêng) với tư cách là BPCT cơ bản và quan trọng trong *Chiến lược phát triển pháp luật của Việt Nam* (nói chung) thì *khoa học Luật hình sự* nước nhà cần phải tiếp tục soạn thảo những vấn đề chuyên môn sâu sắc và toàn diện hơn nữa những nền tảng lý luận của nó mà trong đó *Học thuyết* được đề cập ở đây chỉ mới là những bước đi đầu tiên mang tính khai phá./.